

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 14/8/2025

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thọ;

2. Ông Trương Hữu Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 18/3/2024 về *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L;

Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn Đ, xã C, tỉnh Đắk Lắk) - có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Y Lm Niê;

Địa chỉ: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn T, xã C, tỉnh Đắk Lắk) - vắng mặt.

2. Bà H H Mlô;

Địa chỉ: Buôn XA, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn XA, xã C, tỉnh Đắk Lắk) - có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị T;

Địa chỉ: Buôn E, xã C, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

2. Bà H Ng Mlô;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, xã P, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Chị H V Mlô;

Địa chỉ: Buôn XA, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn XA, xã C, tỉnh Đắk Lắk) - có mặt.

- **Người phiên dịch tiếng Êđê cho bà H H Mlô:** Ông Y M Niê - Đội phó Đội công tác 253 xã C, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Buôn E, xã C, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên tôi có cho vợ chồng ông Y Lm Niê, bà H H Mlô vay các khoản tiền gồm: Vay số tiền 350.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng V – Phòng giao dịch P; vay số tiền 450.000.000 đồng để trả nợ cho bà H Ng Mlô; vay số tiền 70.000.000 đồng để nộp tiền án phí của ông Y Lm Niê, bà H H Mlô.

Thứ nhất, đối với khoản tiền 450.000.000 mà ông Y Lm Niê, bà H H Mlô vay để trả nợ cho bà H Ng Mlô, tôi có chuyển khoản cho bà H H 02 lần tổng số tiền chuyển khoản là 405.000.000 đồng và đưa tiền mặt cho bà H H số tiền 45.000.000 đồng để trả cho bà H Ng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Bản án dân sự số 20/2023/DSST ngày 08/5/2023 của Toà án nhân dân huyện K. Địa điểm trả tại Quán cà phê M ở xã P, có 02 chứng từ chuyển khoản vào ngày 18/6/2024, một lần chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng, một lần chuyển khoản số tiền 105.000.000 đồng.

Thứ hai, đối với khoản tiền 70.000.000 đồng vay để nộp án phí và chi phí khác trong đó gồm 02 khoản án phí là 18.528.000 đồng + 20.107.000 đồng = 38.635.000 đồng, còn lại số tiền hơn 31.365.000 đồng tôi đưa tiền mặt cho bà H H để bà H H lo các khoản chi phí của bà H H.

Thứ ba, đối với khoản nợ 350.000.000 đồng tôi cho vay để trả cho ngân hàng là có nguồn gốc do bị đơn ông Y Lm Niê, bà H H Mlô nợ tiền Ngân hàng V - Phòng giao dịch P, đến hạn trả nợ theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 101/2022/QĐST-DS ngày 28/9/2022 của Toà án nhân dân

huyện K, với tổng số tiền cả lãi và gốc là hơn 951.000.000 đồng, có sao kê thông tin chuyển khoản. Sau khi trả ngân hàng thì bị đơn đã lấy được 03 quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp của bị đơn tại Ngân hàng, gồm:

Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 23, diện tích 4130m², tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 082296 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 11/03/1996, đứng tên ông Y Lm Niê.

Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 101, diện tích 5311m², tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 425900 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/10/2016, đã xác nhận tặng cho đứng tên ông Y Lm Niê, bà H H Mlô vào ngày 01/11/2019.

Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 33, diện tích 26182m², tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 45899 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/10/2016, đã xác nhận tặng cho đứng tên ông Y Lm Niê, bà H H Mlô vào ngày 01/11/2019.

Sau khi lấy được các quyền sử dụng đất thì ông Y Lm Niê, bà H H Mlô chỉ bán thửa đất số 16, tờ bản đồ số 33, không bán được thửa đất số 15 vì ông Y Lm Niê, bà H H Mlô bị ông Lê Bá K yêu cầu phong toả cấm chuyển nhượng. Vì vậy, ông Y Lm Niê, bà H H Mlô không trả hết được số tiền tôi cho vay trả ngân hàng mà còn nợ lại số tiền 350.000.000 đồng, đến nay vẫn không trả được nợ.

Tổng số tiền nợ là 870.000.000 đồng, số tiền vay là để trả các khoản nợ chung của bị đơn ông Y Lm Niê, bà H H Mlô, các khoản nợ đã được ghi nhận tại Giấy thống nhất số nợ ngày 02/6/2024, thoả thuận thời gian trả nợ là 10 ngày, tiền lãi là 1%/tháng, khi quá hạn trả nợ, tôi đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Y Lm Niê, bà H H Mlô phải trả cho tôi tổng số tiền 904.800.000 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 870.000.000 đồng, nợ lãi là 34.800.000 đồng (lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 02/6/2024 đến ngày 02/10/2024) và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong.

Tại phiên toà hôm nay, tôi không yêu cầu ông Y Lm Niê trả cho tôi số tiền 31.365.000 đồng mà tôi đưa tiền mặt cho bà H H nên tôi chỉ yêu cầu bà H H Mlô trả, đối với các khoản nợ còn lại thì tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn bà H H Mlô trình bày:

Do có quen biết nên vợ chồng tôi Y Lm Niê, bà H H Mlô có vay tiền của bà Nguyễn Thị L để trả nợ các khoản nợ của chúng tôi, cụ thể: Vay 350.000.000

đồng để trả nợ Ngân hàng V – Phòng giao dịch P; vay 450.000.000 đồng để trả nợ cho bà H Ng Mô; vay thêm 70.000.000 đồng để nộp tiền án phí và chi phí khác của chúng tôi. Tổng cộng chúng tôi nợ của bà L là 870.000.000 đồng tiền gốc, sau khi hai bên tính thống nhất số tiền nợ và hẹn 10 ngày thu xếp để trả, lãi suất 1%/tháng.

Về nguồn gốc của khoản nợ ngân hàng 350.000.000 đồng là do vợ chồng tôi nợ Ngân hàng V – Phòng giao dịch P vào năm 2022 nhưng không trả được nên phải nhờ bà L cho vay tiền để trả nợ cho Ngân hàng, rút 03 bìa đỏ ra chuyển nhượng trả nợ, với tổng số tiền gốc và lãi trả cho ngân hàng là khoảng 950.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi rút 03 bìa đất của chúng tôi ra chỉ bán được thửa đất số 16, tờ bản đồ số 33 và trả được cho bà L một phần tiền, còn thửa đất số 15, tờ bản đồ số 101 không bán được vì bị ông Lê Bá K ngăn chặn nên khoản vay để trả Ngân hàng vợ chồng tôi còn nợ của bà L số tiền 350.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền trả nợ cho H Ng và tiền nợ án phí, do trước đó vợ chồng tôi nợ tiền của bà H Ng và đã có Bản án xét xử của Tòa án, sau khi bà L cho vay tiền rút 03 bìa đất ra, khi chuyển nhượng thửa đất rẫy 16, tờ bản đồ số 33, diện tích 26182m² do còn nợ tiền của bà H Ng và tiền án phí nên không thực hiện được việc chuyển nhượng. Vì vậy, vợ chồng tôi phải vay tiền của bà L để trả nợ cho bà H Ng với tổng số tiền 450.000.000 đồng, bà L đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho bà H Ng tại Quán cà phê M ở xã P. Còn tiền án phí có 02 khoản là 18.528.000 đồng + 20.107.000 đồng = 38.635.000 đồng thì vợ chồng tôi cũng phải vay tiền của bà L để trả, sau đó bà L có đưa tiền mặt cho tôi thêm khoảng 32.000.000 đồng để lo chi phí làm bìa. Các khoản nợ trên là khoản nợ chung của tôi và ông Y Lm Niê, hiện nay chúng tôi không còn khả năng trả nợ.

Bà L khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả cho bà L tổng số tiền 904.800.000 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 870.000.000 đồng, nợ lãi là 34.800.000 đồng (lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 02/6/2024 đến ngày 02/10/2024) và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong thì tôi đồng ý.

Đối với bị đơn ông Y Lm Niê quá trình giải quyết vụ án đã được cấp, thông báo các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị L đi làm ăn chung với nhau, ngày 09/4/2024, tôi đi

cùng với bà L đến Ngân hàng V, Phòng giao dịch P để bà L cho ông Y Lm Niê, bà H H Mlô vay tiền trả nợ ngân hàng. Do điện thoại của bà L bị trục trặc nên bà L nhờ tôi chuyển khoản giúp vào tài khoản của bà H H Mlô tại Ngân hàng V, Phòng giao dịch P của bà H H Mlô với số tiền 400.000.000 đồng, có chứng từ chuyển khoản chứng minh việc chuyển khoản. Việc chuyển khoản giúp đã thực hiện xong, là việc giữa tôi và bà L nên tôi không có yêu cầu giải quyết bất kỳ vấn đề gì trong vụ án này.

Người làm chứng bà H Ng Niê Quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:

Trước đây, vợ chồng ông Y Lm Niê, bà H H Mlô có nợ tiền của tôi và không trả được nên tôi đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện K, đã được xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 08/5/2023, quyết định buộc ông Y Lm Niê, bà H H Mlô phải trả cho tôi tổng số tiền 402.677.333 đồng cả gốc và lãi, tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong. Bà Nguyễn Thị L có liên hệ với tôi để hẹn gặp trả nợ tiền cho ông Y Lm Niê, bà H H Mlô, sau đó tôi và bà L có gặp nhau tại quán cà phê M để nói chuyện, tôi được biết bà H H có nhờ bà L đứng ra trả tiền cho tôi. Bà L đã trả cho bà H H tiền nợ tôi tổng số tiền là 450.000.000 đồng, trong đó bà L chuyển khoản 2 lần từ số tài khoản của bà L sang số tài khoản của tôi, lần một chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng, lần 2 chuyển khoản số tiền 105.000.000 đồng và đưa thêm cho tôi 45.000.000 đồng tiền mặt. Tôi nhận tiền và rút đơn yêu cầu thi hành án đối với ông Y Lm Niê, bà H H Mlô, từ đó chúng tôi không liên hệ với nhau nữa.

Người làm chứng chị H V Mlô tại phiên tòa đã trình bày: Tôi là con của ông Y Lm Niê, bà H H Mlô, vào ngày 02/6/2024, tôi có mặt khi mẹ tôi là bà H H viết giấy thống nhất số nợ với bà L, nhưng tôi không liên quan gì đến việc nợ nần của bố mẹ tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đắc Lắc phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với nguyên đơn, bị đơn bà H H Mlô, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Y Lm Niê đã được triệu tập tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Y Lm Niê là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Y Lm Niê, bà H H Mlô có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng là khoản tiền bà Nguyễn Thị L đã cho mượn để trả tiền cho bà H Ng Mlô theo Bản án số 20/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Toà án nhân dân huyện K và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 02/6/2024 đến ngày xét xử, tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả nợ xong.

Buộc bà H H Mlô phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng, là khoản tiền còn lại trong tổng số nợ gốc 870.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 02/6/2024 đến ngày xét xử, tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả nợ xong.

Về án phí: Buộc bà H H Mlô, ông Y Lm Niê phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đăk Lăk) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Y Lm Niê đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do, người làm chứng bà H Ng Mlô có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Y Lm Niê, người làm chứng bà H Ng Mlô là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Y Lm Niê, bà H H Mlô phải trả tổng số tiền 904.800.000 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 870.000.000 đồng, nợ lãi là 34.800.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 02/6/2024 đến ngày 02/10/2024 và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả nợ xong, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Theo giấy thống nhất số nợ ngày 02/6/2024 giữa bà L và bà H H thể hiện nội dung hai bên thống nhất số nợ mà bà L đứng ra trả nợ thay cho ông Y Lm Niê, bà H H Mlô gồm: Trả nợ ngân hàng 350.000.000 đồng, trả nợ cho bà H Ng 450.000.000 đồng, trả nợ các khoản phát sinh 70.000.000 đồng, xét nguồn gốc từng khoản vay thấy rằng:

Đối với khoản vay 350.000.000 đồng có nguồn gốc từ số nợ ông Y Lm Niê, bà H H Mlô nợ của Ngân hàng V theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 101/2022/QĐST-DS ngày 28/9/2022 của Toà án nhân dân huyện K, giữa nguyên đơn Ngân hàng V và bị đơn ông Y Lm Niê, bà H H Mlô. Do ông Y Lm Niê, bà H H Mlô không trả được nợ nên có vay tiền của bà L để trả nợ. Bà L đã chuyển tiền vào số tài khoản của bà H H Mlô với tổng số tiền 950.000.000 đồng theo các chứng từ chuyển tiền gồm ngày 12/3/2024 chuyển số tiền 50.000.000 đồng, ngày 09/4/2024 chuyển số tiền 300.000.000 đồng; cũng trong ngày 09/4/2024 bà L nhờ bà Nguyễn Thị T chuyển số tiền 400.000.000 đồng và ngày 16/4/2024 chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của bà H H, việc chuyển tiền là phù hợp với chứng từ chuyển khoản do bà L sao kê cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi trả ngân hàng thì bà H H rút tài sản thế chấp là 03 quyền sử dụng đất của ông Y Lm Niê, bà H H Mlô gồm:

Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 23, diện tích 4130m², tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 082296 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 11/03/1996, đứng tên ông Y Lm Niê.

Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 101, diện tích 5311m², tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 425900 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/10/2016, đã xác nhận tặng cho đứng tên ông Y Lm Niê, bà H H Mlô vào ngày 01/11/2019.

Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 33, diện tích 26182m², tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 45899 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/10/2016, đã xác nhận tặng cho đứng tên ông Y Lm Niê, bà H H Mlô vào ngày 01/11/2019.

Sau khi rút tài sản thế chấp ông Y Lm Niê, bà H H Mlô đã chuyển nhượng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 33 để trả nợ cho bà L được số tiền 550.000.000 đồng, còn thửa đất số 15 không chuyển nhượng được vì ông Y Lm Niê, bà H H Mlô bị ông Lê Bá K khởi kiện và yêu cầu phong tỏa cấm chuyển dịch nên không chuyển nhượng được để có tiền trả lại cho bà L. Vì vậy, ông Y Lm Niê, bà H H Mlô còn nợ của bà L số tiền 350.000.000 đồng là có thật.

Đối với khoản vay 450.000.000 đồng mà bà L đứng ra trả cho bà H Ng có nguồn gốc do ông Y Lm Niê, bà H H Mlô nợ tiền của bà H Ng Mlô theo Bản án số 20/2023/DSST ngày 08/5/2023 của Toà án nhân dân huyện K, với số tiền nợ bà H Ng bao gồm nợ gốc và lãi là 402.677.333 đồng tính đến ngày 15/7/2021. Vì vậy, bà H H đã vay tiền của bà L để trả nợ cho bà H Ng, sau khi ký giấy thống nhất nợ, ngày 16/4/2024 bà L có hẹn bà H Ng để giao tiền trả nợ thay cho ông Y Lm Niê, bà H H Mlô với tổng số tiền 450.000.000 đồng theo chứng từ chuyển khoản 02 lần vào ngày 16/4/2024 (lần 1 chuyển số tiền 300.000.000 đồng, lần 2 chuyển số tiền 105.000.000 đồng) và đưa trực tiếp tiền mặt cho bà H Ng Mlô số tiền 45.000.000 đồng. Sự việc này phù hợp với lời trình bày của bà H H Mlô và bà H Ng nên có căn cứ xác định bà H H và ông Y Lm có nợ bà L số tiền 450.000 đồng là có thật.

Đối với khoản nợ 70.000.000 đồng có nguồn gốc từ số tiền nợ án phí của ông Y Lm Niê, bà H H Mlô gồm 02 khoản án phí là 18.528.000 đồng và 20.107.000 đồng, bà H H Mlô vay của bà L để trả nợ 02 khoản án phí này là 38.635.000 đồng và bà H H vay thêm số tiền 31.365.000 đồng để lo các khoản chi phí khác của bà H H Mlô, được các đương sự thừa nhận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà H H xác nhận các khoản vay trên là đúng. Đối với bị đơn ông Y Lm Niê, quá trình giải quyết vụ án ông Y Lm Niê không hợp tác làm việc nên không thu thập được lời khai, giấy thống nhất số nợ không có chữ ký của ông Y Lm Niê. Tuy nhiên, xét về nguồn gốc số nợ thì các khoản vay nợ gồm số tiền 350.000.000 đồng, số tiền 450.000.000 đồng và 38.635.000 đồng là để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các khoản nợ phải thi hành trong thời gian chung sống của ông Y Lm Niê, bà H H Mlô theo các Quyết định, Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần xác định ông Y Lm và bà H H phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà L là phù hợp. Đối với số tiền 31.365.000 đồng mà bà L đưa cho bà H H sau khi ông Y Lm Niê, bà H H Mlô không còn chung sống với nhau và khoản tiền này bà H H Mlô dùng vào mục đích riêng của cá nhân bà H H nên không có cơ sở để cho rằng số tiền vay 31.365.000 đồng là nợ chung của ông Y Lm Niê, bà H H Mlô. Tại phiên toà, bà L chỉ yêu cầu bà H H trả số tiền 31.365.000 đồng mà không yêu cầu ông Y Lm Niê phải có nghĩa vụ cùng bà H H trả số tiền 31.365.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông Y Lm Niê, bà H H Mlô phải trả tổng số nợ gốc

838.635.000 đồng và yêu cầu bà H H phải trả số tiền 31.365.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Giấy thống nhất nợ có thể hiện lãi suất thỏa thuận 1%/tháng và thời hạn vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ vay tài sản giữa hai bên thuộc trường hợp vay có thời hạn và có thỏa thuận về lãi suất, nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 357, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận, lãi được tính từ ngày 02/6/2024 đến ngày xét xử vụ án là ngày 14/8/2025, lãi được tính như sau:

- $838.635.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} 12 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 02/6/2024 đến 14/8/2025) = 120.763.000 đồng (làm tròn số tiền);

- $31.365.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} 12 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 02/6/2024 đến 14/8/2025) = 4.517.000 đồng (làm tròn số tiền);

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Y Lm Niê, bà H H Mlô phải trả cho bà L tính đến ngày xét xử 14/8/2025 là: 838.635.000 đồng + 120.763.000 đồng = 959.398.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi, bà H H Mlô phải trả cho bà L tính đến ngày xét xử 14/8/2025 là 31.365.000 đồng + 4.517.000 đồng = 35.882.000 đồng.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận 1%/tháng phù hợp với quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Về án phí: Căn cứ các Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Y Lm Niê, bà H H Mlô phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 40.781.940 đồng là phù hợp.

Bị đơn bà H H Mlô phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.794.100 đồng là phù hợp.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền 19.572.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số AA/2023/0006425 ngày 18/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực L - Đắc Lắc) là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 243, 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

- Buộc bị đơn ông Y Lm Niê, bà H H Mlô có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 959.398.000 đồng (*Chín trăm năm mươi chín triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 838.635.000 đồng, nợ lãi là 120.763.000 đồng (lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 02/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2025).

- Buộc bị đơn bà H H Mlô có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 35.882.000 đồng, trong đó nợ gốc là 31.365.000 đồng, nợ lãi là 4.517.000 đồng (lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 02/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2025).

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận 1%/tháng phù hợp với quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Y Lm Niê, bà H H Mlô phải chịu số tiền 40.781.940 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà H H Mlô phải chịu số tiền 1.794.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền 19.572.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2023/0006425 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực L - Đắk Lắk)

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn

vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân